

Số: /BC-UBND

Vĩnh Hòa, ngày 13 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO

Công tác cải cách hành chính Quý I năm 2024

(từ ngày 15/12/2023 đến ngày 13/03/2024)

Thực hiện Công văn số 417/UBND-NV ngày 08/03/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Linh về việc báo cáo công tác CCHC quý I năm 2024, UBND xã Vĩnh Hoà báo cáo công tác CCHC quý I năm 2024 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH.

- Đánh giá về các hoạt động chỉ đạo, điều hành đối với công tác CCHC: Trên cơ sở Kế hoạch số 11/KH - UBND ngày 15/01/2024 của UBND huyện Vĩnh Linh về ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính nhà nước huyện Vĩnh Linh năm 2024; UBND xã đã xây dựng và ban hành các Kế hoạch: Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 30/01/2024 về công tác cải cách hành chính năm 2024; Kế hoạch 16/KH- UBND ngày 16/02/2024 về Duy trì và nâng cao chỉ số PAPI, SIPAS năm 2024; Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 20/02/2024 về tuyên truyền CCHC năm 2024; Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 27/02/2024 về Khắc phục tồn tại, hạn chế trong công tác CCHC năm 2023; Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 29/02/2024 về Kiểm tra công tác CCHC năm 2024; Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 11/03/2024 về Kiểm soát TTHC và và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn xã năm 2024....

UBND xã chỉ đạo tất cả cán bộ, công chức, giúp việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước; cải cách TTHC gắn thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông; giải quyết TTHC kịp thời, nhanh chóng, thuận lợi, đúng pháp luật, công bằng, bình đẳng, khách quan, công khai minh bạch và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có thẩm quyền; lấy sự hài lòng của tổ chức, cá nhân là thước đo chất lượng, hiệu quả phục vụ của cán bộ, công chức. Tập trung cho việc xây dựng chính quyền điện tử để tạo sự đồng bộ trong ứng dụng công nghệ thông tin, tiến tới hoàn tất cơ bản hệ thống quản lý văn bản, điều hành điện tử và hệ thống một cửa điện tử, góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; tăng thu hút đầu tư; phát triển hệ thống doanh nghiệp; đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội của toàn xã trong thời gian tới.

- Đánh giá, cập nhật tiến độ thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2024: Đến nay tình hình thực hiện kế hoạch CCHC đã theo đúng tiến độ đề ra, trong quý I, UBND xã đã xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành về thực hiện công tác CCHC đảm bảo đúng theo quy định.

- Đánh giá về công tác kiểm tra CCHC:

Ngày 29/02/2024 đã ban hành Kế hoạch số 27/KH-UBND về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2024. Theo kế hoạch UBND xã Vĩnh Hoà sẽ tiến hành kiểm tra công tác CCHC vào quý III năm 2024.

- Về công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính:

UBND xã đã xây dựng kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 20/02/2024 về Tuyên truyền cải cách hành chính năm 2024. Trong quý I, đã tuyên truyền các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về CCHC đến tận người dân, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước. Tuyên truyền cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 để nhân dân tiếp cận, được biết và thực hiện; công tác dân vận chính quyền. Xây dựng kế hoạch phát động phong trào thi đua cải cách hành chính trong cơ quan, ban ngành, lĩnh vực ..., nhằm đảm bảo tốt công tác cải cách hành chính năm 2024.

UBND xã đã sử dụng trang thông tin điện tử của xã vinhhoa.vinhlinh.quangtri.gov.vn để thực hiện các hoạt động tuyên truyền về cải cách hành chính, chuyển đổi số: Tuyên truyền về việc thực hiện các giải pháp nâng cao các chỉ số cải cách hành chính PAR Index, chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS); Tuyên truyền về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính hoàn toàn trên môi trường mạng; Tuyên truyền về việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác cải cách hành chính; Công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Trong quý I năm 2024, đã đăng tải 09 tin bài về cải cách hành chính của cơ quan xã trên cổng thông tin điện tử xã.

- Tổng hợp, cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ giao: Trong quý 1/2024, xã Vĩnh Hoà đã thực hiện được 08 /34 nhiệm vụ theo Kế hoạch năm (*Ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành*).

- Đánh giá về những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC được thí điểm, nhân rộng và triển khai có hiệu quả tại đơn vị, địa phương: UBND xã đang áp dụng những sáng kiến, giải pháp về CCHC theo Công văn số 416/UBND-NV ngày 08/3/2024 về việc áp dụng sáng kiến CCHC và nhân rộng trên địa bàn huyện như: *“Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, hướng dẫn công dân đăng ký, thực hiện 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông Đăng ký khai sinh -Đăng ký thường trú -Cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi và Đăng ký khai tử -Xóa đăng ký thường trú -Trợ cấp mai táng, hỗ trợ chi phí mai táng”*; *“Trực tiếp hỗ trợ tổ chức, công dân thực hiện các thao tác nộp hồ sơ DVCTT, số hóa TTHC và thanh toán phí, lệ phí trực tuyến tại Bộ phận TN&TKQ xã”*; *“Theo dõi và đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được các cấp phân công”*.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH.

1. Cải cách thể chế

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Trong quý I/2024, UBND xã đã tham gia góp ý dự thảo Nghị định “Quy định về hồ sơ, quy trình liên thông điện tử thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả đối với 02 nhóm thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất” theo Công văn số 62/UBND-TP ngày 10/01/2024 của UBND huyện Vĩnh Linh.

Trong quý 1, UBND xã không ban hành Văn bản quy phạm pháp luật nào

- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật: UBND xã Vĩnh Hòa đã ban hành Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 22/01/2024 về việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật với mục đích xem xét, đánh giá thực trạng thi hành pháp luật, từ đó có cơ sở thực tiễn để kịp thời xem xét, giải quyết hoặc đề nghị giải quyết các vướng mắc, bất cập trong quá trình thi hành pháp luật trên địa bàn xã; Xác định lĩnh vực, nội dung, các hoạt động cụ thể, trách nhiệm của các cơ quan đơn vị có liên quan trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, Trong đó, lĩnh vực trọng tâm liên ngành về theo dõi thi hành pháp luật đối với xã năm 2024 tiếp tục tập trung vào: Lĩnh vực đất đai, bảo vệ môi trường; lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng; hôn nhân và gia đình...

UBND xã Vĩnh Hòa đã đôn đốc các ngành thực hiện một cách nghiêm túc thông qua công tác hàng tháng, quý của UBND xã để thực hiện tốt, đồng thời phối hợp với Hội đồng nhân dân xã tiến hành kiểm tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn xã thông qua các cuộc tiếp xúc cử tri. Đơn vị triển khai kịp thời các văn bản của cấp trên.

- Kết quả thực hiện tuyên truyền và phổ biến pháp luật:

UBND xã đã ban hành kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 22/01/2024 về Phổ biến giáo dục pháp luật năm 2024

- Kết quả kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật: UBND xã đã ban hành kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 22/01/2024 về rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2024.

2. Cải cách thủ tục hành chính:

- Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC:

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 11/03/2024 về Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2024 trên địa bàn xã, căn cứ theo kế hoạch tập trung rà soát các thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết trong quá trình thực hiện thuộc thẩm quyền cấp xã. Kịp thời đề xuất phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nếu phát hiện có vướng mắc, bất cập, khó thực hiện; tổng hợp kết quả rà soát, đánh giá báo cáo UBND huyện, UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh.

- Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị, địa phương: tổng số có 151 TTHC

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

+ Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận một cửa:

Nhận sự: Bộ phận một cửa gồm 4 công chức

Cơ sở vật chất: Hiện tại xã đã có phòng giao dịch với diện tích gần 50m², tuy nhiên do điều kiện trụ sở làm việc của UBND xã chưa được xây dựng nên vị trí làm việc cách xa nơi giao dịch của Bộ phận một cửa, vì vậy hiện tại Bộ phận một cửa của UBND đang làm việc tại các phòng riêng của trụ sở cũ.

Trang thiết bị, phương tiện làm việc: Gồm 4 máy vi tính, 04 máy in, 03 máy scan, bàn tiếp công dân, ghế chờ,đảm bảo theo quy định.

100% hồ sơ TTHC thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua hệ thống Một cửa điện tử; 100% các TTHC được niêm yết công khai kịp thời và đảm bảo đúng các quy trình, việc niêm yết công khai thủ tục hành chính được thực hiện trên cơ sở Quyết định công bố thủ tục hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Hình thức niêm yết công khai thủ tục hành chính trên bảng tại bộ phận “Một cửa” của Ủy ban nhân dân xã, phù hợp với điều kiện, vị trí niêm yết thích hợp để cá nhân, tổ chức dễ đọc và dễ tiếp cận các thủ tục hành chính và trên trang thông tin điện tử của xã: vinhhoa.vinhlinh.quangtri.gov.vn.

Thực hiện giải quyết đảm bảo tất cả các thủ tục hành chính đều được tiếp nhận qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

Các thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân đến giao dịch tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã được cán bộ, công chức hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả nhiệt tình, thuận lợi và đúng quy định; việc quản lý văn bản, giám sát hồ sơ, thu phí, lệ phí chặt chẽ; hồ sơ đã tiếp nhận được số hóa trên 85%; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ đã đi vào nề nếp; trang thiết bị, máy móc, hạ tầng kỹ thuật đã được UBND xã quan tâm đầu tư, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ hỗ trợ các điều kiện làm việc liên quan theo quy định cho công chức.

+ Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC:

Số hồ sơ tiếp nhận: 426

Tỷ lệ số hoá đầy đủ TH hồ sơ khi tiếp nhận: 85,7%

Tỷ lệ số hoá kết quả hồ sơ: 97,9%

+ Tổng hợp, cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ TTHC tại các đơn vị: Trong quý I năm 2024 đã tiếp nhận 426 hồ sơ. Trong đó: có 96 hồ sơ được tiếp nhận trực tiếp, 330 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến; Từ kỳ trước 21 hồ sơ; Đã giải quyết 425 hồ sơ (trước hạn: 405 hồ sơ; đúng hạn: 20; quá hạn: 0); Đang giải quyết 22 hồ sơ (còn hạn). Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận được giải quyết đúng hạn đạt 100%.

+ Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: Quý I năm 2024, UBND xã không tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị nào của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

UBND xã đã phân công nhiệm vụ cho từng công chức chuyên môn, quy định rõ chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của từng cá nhân trên cơ sở quy định của pháp luật để thống nhất một số nhiệm vụ tránh chồng chéo khi giao cho một bộ phận giải quyết. Từ đó chức năng nhiệm vụ của nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước được phân cấp theo quy định, công việc giải quyết đúng tiến độ, sát thực tế hơn.

- Đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức:

Hiện nay, Công chức xã Vĩnh Hòa được biên chế 8 định biên, hiện nay có 7, thiếu 01 công chức Địa chính – Xây dựng. Về trình độ chuyên môn: Có 100% Công chức có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí đảm nhiệm. Trình độ đại học 7/7 người, tỷ lệ 100%.

- Về trình độ lý luận chính trị: 6/7 người có trình độ trung cấp, tỷ lệ 85,7%

- Về chứng chỉ quản lý nhà nước: có 85,7% công chức được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình chuyên viên.

100% CBCC được bồi dưỡng kiến thức tin học văn phòng, để sử dụng thành thạo máy vi tính phục vụ công tác.

- Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước:

Các lĩnh vực UBND xã đã được phân cấp quản lý nhà nước:

+ Lĩnh vực quản lý ngân sách: Căn cứ Quyết định số 3384/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND huyện Vĩnh Linh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2024 cho các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

Trên cơ sở đó, UBND xã đã chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, xoá đói giảm nghèo và dự toán ngân sách được giao; Tổ chức hội nghị quán triệt, bàn các giải pháp chỉ đạo phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách địa phương, quyết tâm phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch huyện giao.

+ Quản lý tài sản công: Căn cứ Nghị quyết số 31/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh Quảng Trị về Quy định phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Nghị quyết số 100/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; UBND xã đã quán triệt, thông tin, tuyên truyền về quy định quản lý tài sản công đến toàn thể cán bộ, công chức, cán bộ bán chuyên trách của cơ quan. Đã Ban hành quy chế quản lý tài sản công tại quyết định 12/QĐ-UBND ngày 11/01/2023.

+ Lĩnh vực quản lý công vụ, cán bộ, công chức: Trên cơ sở các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn do UBND huyện giao trong nhiệm kỳ 2021-2026; UBND xã đã ban hành Quy chế làm việc theo Quyết định số 168/QĐ-

UBND ngày 15/9/2021; Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 Về việc phân công nhiệm vụ của Chủ tịch, Phó chủ tịch và Ủy viên Ủy ban nhân dân xã, nhiệm kỳ 2021-2026; Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 Về việc phân công nhiệm vụ đối với công chức tại UBND xã Vĩnh Hòa.

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/06/2023 của Chính Phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Nghị quyết số 121/NĐ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Trị về việc giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã năm 2024; UBND xã đã thực hiện các nội dung quản lý cán bộ, công chức theo nhiệm vụ, quyền hạn đúng thẩm quyền quy định.

Ngoài ra, trong các lĩnh vực khác như lĩnh vực quản lý đất đai, lĩnh vực xây dựng... UBND xã đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của địa phương, đảm bảo đúng theo quy định về quản lý nhà nước.

4. Cải cách chế độ công vụ

UBND xã tiếp tục đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ năng lực thi hành công vụ; sử dụng biên chế theo số lượng được cấp trên giao. Công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức được Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã quan tâm thực hiện, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực, tận tụy phục vụ nhân dân. Cán bộ, công chức được bố trí phù hợp với vị trí việc làm và năng lực, sở trường công tác và đạt chuẩn theo quy định.

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức:

Thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ; Kế hoạch số 1291/KH-UBND ngày 28/3/2019 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Đề án Văn hoá công vụ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 19/01/2024 về thực hiện Đề án văn hóa công vụ năm 2024; Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 31/01/2024 của UBND huyện về việc Kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính; thực hiện công vụ tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện Vĩnh Linh năm 2024; UBND xã đã thường xuyên chỉ đạo, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm trong hoạt động công vụ của CBCC; quán triệt và triển khai thực hiện quy chế đối với CBCC trong việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện tốt chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, văn hóa công sở; không sử dụng thời gian làm việc vào việc riêng như tụ tập đi ăn sáng, uống cà phê; không hút thuốc lá nơi công sở; không sử dụng rượu, bia, đồ uống có cồn trong giờ làm việc, giờ nghỉ trưa của ngày làm việc và ngày trực; thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về an toàn giao thông không có CBCC vi phạm về luật an toàn giao thông đường bộ. Chấp hành nghiêm túc việc thực hiện quy định về chế độ làm việc trong hoạt động của cơ quan; giảm số lượng, nâng cao chất

lượng các cuộc họp, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc chỉ đạo, điều hành của thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

Cử đồng chí Văn phòng xã làm cán bộ đầu mối theo dõi việc thực hiện kỷ luật kỷ cương hành chính. Thực hiện việc theo dõi, kiểm tra đột xuất việc chấp hành giờ giấc làm việc, đeo thẻ công chức, kết quả giải quyết nhiệm vụ giao và tinh thần thái độ phục vụ nhân dân. Bổ sung và cập nhật đầy đủ các thông tin của cán bộ công chức theo đúng quy định trên hệ thống thông tin CBCC.

Đồng thời công khai và niêm yết số điện thoại đường dây nóng tiếp nhận phản ánh của công dân.

Cán bộ, công chức thực hiện nghiêm sự phân công nhiệm vụ của thủ trưởng cơ quan. Trong công việc thực hiện tốt công tác phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn.

Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên và kịp thời. Qua đó, phát hiện và xử lý những phát sinh có thể xảy ra.

Tại các phòng làm việc có đầy đủ biển phòng làm việc và biển các chức danh theo quy định.

Công tác tiếp công dân; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, những bức xúc có liên quan đến quyền, lợi ích chính đáng của Nhân dân được thực hiện thường xuyên đúng quy định. Qua công tác tiếp dân lãnh đạo xã giải thích thấu đáo, kịp thời những vướng mắc trong quần chúng, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã, củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

- Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức:

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 12/03/2023 về việc Đào tạo bồi dưỡng CBCC năm 2024. Trong quý I, chưa có cán bộ, công chức tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

5. Cải cách hành chính công.

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại đơn vị, địa phương:

+ Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước theo Kế hoạch được giao: đang triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch.

+ Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công:

Trong quý I, UBND xã đã thực hiện giải ngân 145.000.000 đ/800.000.000đ, đạt 18% (Trong đó: công trình chuyển tiếp 145.000.000 đồng đã giải ngân; công trình khởi công mới 655.000.000 đồng chưa khởi công).

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công:

UBND xã đã ban hành Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 về Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công. Trong quý I, xã không thực hiện mua sắm tài sản.

-Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập (*Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các văn bản có liên quan*).

Thực hiện tốt cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm tại đơn vị, tiết kiệm, chống lãng phí.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, chính phủ số

UBND xã luôn xác định đẩy mạnh CCHC gắn liền với ứng dụng CNTT và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 (ISO) nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước trên địa bàn xã.

- Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật:

Hạ tầng công nghệ thông tin tại cơ quan cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT trong công tác quản lý điều hành và hoạt động. Trang thiết bị công nghệ thông tin được đầu tư, thay thế các thiết bị cũ.

Trang thiết bị công nghệ thông tin của xã gồm:

+ Số lượng máy in: 16 máy

+ Số lượng máy Scan: 04 máy.

+ Số lượng máy tính được kết nối internet: 22 máy.

Tất cả máy tính của CB,CC, người hoạt động không chuyên trách có hệ thống mạng LAN, kết nối mạng internet và mạng nội bộ ứng dụng các phần mềm chuyên ngành và phần mềm dùng chung.

- Ứng dụng công nghệ thông tin tại Bộ phận một cửa trong việc tiếp nhận, giải quyết TTHC:

Tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của xã, hồ sơ đã được số hoá và chuyển đến các công chức chuyên môn xử lý thông qua môi trường điện tử; 100% cán bộ, công chức chuyên môn sử dụng phần mềm trong quá trình xử lý dịch vụ công.

100% TTHC được đưa vào tiếp nhận và giải quyết theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành và giải quyết TTHC, đảm bảo việc giải quyết TTHC chính xác, kịp thời, thuận tiện cho cá nhân, tổ chức. Ứng dụng có hiệu quả phần mềm một cửa điện tử, chứng thực điện tử, hộ tịch điện tử, Cổng dịch vụ công quốc gia, cổng dịch vụ công tỉnh để thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến cũng như tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính.

- Ứng dụng CNTT trong hoạt động nội bộ:

Tiếp tục sử dụng hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc, tiếp nhận và xử lý văn bản kịp thời, hiệu quả. Triển khai xử lý văn bản và hồ sơ công việc trên môi trường mạng theo đúng quy trình từ khâu tiếp nhận văn bản, chuyển xử lý, tạo lập hồ sơ, trình qua cấp thẩm quyền phê duyệt và ký số trên phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc cho cán bộ, công chức hiệu quả, đảm bảo tiết kiệm thời gian và chi phí. 100% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi

trường mạng (Trừ văn bản mật) thực hiện chữ ký số trong gửi văn bản; 85,6% hồ sơ tiếp nhận tại Bộ phận một cửa hiện đại cấp xã được số hóa đầy đủ thành phần; 100% quy trình nội bộ, quy trình điện tử áp dụng trên hệ thống phần mềm Dịch vụ công tập trung đối với 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết UBND cấp xã; 100% TTHC được chuẩn hóa và cập nhật công khai đầy đủ trên Trang Thông tin điện tử xã; được tích hợp, đồng bộ với Cổng Dịch vụ công của tỉnh để đảm bảo thuận tiện cho việc khai thác, sử dụng. Đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin chính quyền điện tử. 100% cán bộ, công chức có máy tính để làm việc.

Thực hiện cung cấp thông tin đảm bảo theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022.

100% cán bộ công chức thường xuyên sử dụng công nghệ thông tin vào công tác chuyên môn, đồng thời được lập tài khoản hộp thư công vụ phục vụ nhu cầu gửi, nhận văn bản, trao đổi công việc.

Cơ quan, lãnh đạo UBND và CBCC xã đều áp dụng, sử dụng chứng thư số, chữ ký số theo quy định.

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần:

Trong quý I/2024 (từ ngày 15/12/2023 đến ngày 13/03/2024) số thủ tục hành chính có phát sinh hồ sơ trực tuyến, 14/124 thủ tục, tỷ lệ 11,3%; Số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết trực tuyến 330/300 hồ sơ, đạt tỷ 100

Số DVC TT một phần phát sinh HS: 11

Số DVC TT một phần phát sinh HS online: 11

Số DVC TT toàn trình phát sinh HS: 03

Số DVC TT toàn trình phát sinh HS online: 03

Tỉ lệ DVC TT một phần, toàn trình phát sinh HS online: 100%

Tỉ lệ % HS online một phần: 100%

Tỉ lệ % HS online toàn trình: 100%

Tỉ lệ % HS online: 100%

7. Nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công (PAPI), chỉ số sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước SIPAS

UBND xã đã tiếp tục quán triệt, chỉ đạo thực hiện các nội dung theo Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 22/8/2023 của UBND xã Vĩnh Hoà về việc triển khai Nghị quyết số 02-NQ/BCSD của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh về quyết tâm thực hiện các giải pháp cải thiện, nâng cao Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 đến đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động trong cơ quan.

Ngày 16/02//2024, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 16/KH-UBND về việc Duy trì và nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công (PAPI), chỉ số sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước SIPAS.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực:

Trong quý I năm 2024 công tác CCHC được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của UBND xã, của Đảng ủy, HĐND, công tác cải cách hành chính đã đạt được nhiều kết quả tích cực, tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện nghiêm túc, các văn bản chỉ đạo tổ chức thực hiện được ban hành kịp thời. Cán bộ, công chức có những bước đổi mới về ý thức kỷ luật và giao tiếp ứng xử, thực hiện đúng quy trình tiếp nhận hồ sơ, đảm bảo thời gian giải quyết và trả kết quả TTHC cho cá nhân, tổ chức. Công khai, minh bạch tất cả các thủ tục hành chính bằng các hình thức thiết thực và thích hợp.

Việc đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan giúp các cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách xử lý công việc nhanh, chính xác, giúp lãnh đạo nắm thông tin kịp thời, kiểm tra tiến độ thực hiện công việc.

Công tác giải quyết các TTHC đảm bảo đúng theo quy định, không xảy ra tình trạng trễ hẹn hồ sơ. Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần đạt tỷ lệ cao. Thực hiện thanh toán trực tuyến hoàn toàn trên môi trường mạng.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Tỷ lệ số hoá hồ sơ TTHC đạt tỷ lệ thấp làm ảnh hưởng đến kết quả chung của toàn huyện, nguyên nhân là do thiếu máy scan (lĩnh vực đất đai) nên gặp khó khăn trong việc số hoá hồ sơ.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục quán triệt, chỉ đạo, triển khai và tăng cường công tác tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác cải cách hành chính đối với toàn thể CBCC, người lao động và nhân dân để tạo ra sự đồng thuận chung trong toàn xã hội về thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 22/8/2023 của UBND xã Vĩnh Hoà về việc triển khai Nghị quyết số 02-NQ/BCSD của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh về quyết tâm thực hiện các giải pháp cải thiện, nâng cao Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) trên địa bàn tỉnh đến năm 2025

3. Tiếp tục triển khai đầy đủ, kịp thời văn bản QPPL của Trung ương, của tỉnh, của huyện, của xã trên các lĩnh vực quản lý; thực hiện tốt công tác tự kiểm tra, tự rà soát hệ thống hóa các loại văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân xã,

UBND xã ban hành đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật; triển khai có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2024 tại địa phương; thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng trong phân biện chính sách và giám sát thi hành pháp luật.

4. Thực hiện công tác kiểm soát TTHC một cách hiệu quả, bám sát các mục tiêu, yêu cầu cải cách của Chính phủ, của Tỉnh, của huyện gắn với siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; xử lý nghiêm theo quy định của Nhà nước đối với các tổ chức, cá nhân tắc trách, nhũng nhiễu, gây phiền hà trong giải quyết TTHC cho tổ chức và công dân; cập nhật và công khai đầy đủ TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã và trên Trang thông tin điện tử xã; Tổ chức tốt việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC thuộc phạm vi quản lý của đơn vị; tăng cường việc tiếp nhận và giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, không để xảy ra tình trạng trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ; nghiêm túc thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn. Thường xuyên theo dõi, chấn chỉnh tác phong, lề lối và thái độ làm việc của công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã; xây dựng hình ảnh đội ngũ công chức chuyên nghiệp, trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương, thân thiện và tận tụy phục vụ Nhân dân; tổ chức thực hiện kịp thời và có hiệu quả việc xử lý, phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp; tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền cải cách TTHC. Đẩy mạnh công tác tự kiểm tra, đôn đốc để kịp thời phát hiện và giải quyết những hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực hiện, giúp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

5. Tiếp tục đổi mới tổ chức hoạt động của chính quyền địa phương theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương; tiếp tục thực hiện theo dõi, đánh giá cán bộ, công chức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí công tác. Thực hiện quản lý cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách của cơ quan theo đúng chức năng thẩm quyền được quy định, thường xuyên việc cải tiến, đổi mới tác phong, lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của UBND.

6. Tăng cường các biện pháp để quản lý nguồn thu và đảm bảo nguồn thu, tập trung huy động các nguồn lực trong xã hội chi đầu tư phát triển. Thực hiện cân đối ngân sách xã theo hướng tích cực, thực hiện tiết kiệm triệt để, chống lãng phí trong sử dụng nguồn vốn ngân sách; thực hiện công khai tài chính theo quy định.

7. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều hành; tăng cường thực hiện trao đổi văn bản, tài liệu trên môi trường mạng thay cho văn bản giấy trong chỉ đạo, điều hành, sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ để trao đổi công việc. Duy trì hoạt động Trang thông tin điện tử của xã; đẩy mạnh CCHC gắn liền với ứng dụng CNTT và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015. Thường xuyên rà soát các TTHC để chuẩn hóa theo quy trình ISO 9001:2015, tăng cường tiếp nhận trả kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trực tuyến toàn trình.

8. Tăng cường công tác tự kiểm tra CCHC, nhất là kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính nhà nước, chấn chỉnh lề lối làm việc nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động bộ máy quản lý nhà nước.

9. Thực hiện đúng chế độ báo cáo CCHC theo quy định.

V. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

Kính đề nghị UBND huyện tiếp tục quan tâm chỉ đạo UBND xã thực hiện tốt hơn trong công tác CCHC.

Đề xuất bổ sung mua sắm máy scan, thay thế máy tính đã xuống cấp đối với bộ phận một cửa.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện CCHC quý I năm 2024 và một số nhiệm vụ CCHC trọng tâm trong thời gian tới, UBND xã Vĩnh Hoà báo cáo Phòng Nội vụ để tổng hợp./

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng Nội vụ;
- Lưu:VP.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Hải

Phụ lục
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	07	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	41	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	34	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	03	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy <i>(thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)</i>			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%		

4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%		
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0		
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	199	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL¹ do địa phương ban hành	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản		
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản		
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản		
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản		
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản		
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		

¹ Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục		
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	151	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>		

3.2.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.3.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	425	
3.3.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	425	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%		
3.4.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	0	
3.4.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>		

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban		
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức		
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị		
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị		
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	8	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	7	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người		
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	18	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	17	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người		
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng		
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị		
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị		

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	0	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 02 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%		
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	0	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%		
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%		
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	%		
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%		
5.2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%		
5.2.3.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	100	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%		

5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	17,5%	
6.4.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	61	
6.4.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	61	
6.4.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	11	
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	4,8%	
6.5.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	63	
6.5.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	63	
6.5.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	3	
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100%	
6.6.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	124	
6.6.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	124	
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	100%	
6.7.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	330	
6.7.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	330	
6.8.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	30	
6.8.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục	9	
6.8.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	30	

